

Số: **31** /2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trong Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín

dụng Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là VAMC).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại Thông tư này.

Mục 2

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 3. Quản lý lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng

1. VAMC thực hiện quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương, tạm ứng tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo quy định tại Mục 2; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Khoản 1, Khoản 2 Điều 8, Điều 9 Mục 3 và Mục 4 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH).

2. Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện và tạm ứng tiền lương theo Khoản 1 Điều này, VAMC xác định chỉ tiêu năng suất lao động bình quân và lợi nhuận như sau:

a) Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân (thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được tính theo tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương chia cho số lao động sử dụng bình quân trong năm; trong đó:

- Tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có tiền lương được xác định trên cơ sở chỉ tiêu tổng doanh thu theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ; chỉ tiêu tổng chi phí chưa có tiền lương theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ (không bao gồm chi phí tiền lương, phụ cấp của cán bộ, nhân viên quy định tại điểm g) và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ tài chính đối với VAMC;

- Lao động sử dụng bình quân trong năm được xác định theo Khoản 1 Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ tiêu lợi nhuận (thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được thay bằng chỉ tiêu “số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt”. Số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt được xác định theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Loại trừ các yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động

1. Khi xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, VAMC được loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, bao gồm:

a) Nhà nước có quyết định can thiệp làm ảnh hưởng trực tiếp đến số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến việc mua hoặc bán khoản nợ xấu và tài sản đảm bảo; điều chỉnh tỷ lệ tính trên số tiền thu hồi của khoản nợ xấu được VAMC mua bằng trái phiếu đặc biệt và tỷ lệ tính trên số dư còn lại cuối kỳ của khoản nợ mà VAMC đã mua bằng trái phiếu đặc biệt.

b) VAMC thực hiện các khoản đầu tư mới cho hoạt động kinh doanh (không bao gồm các khoản đầu tư, sửa chữa, nâng cấp tài sản đảm bảo các khoản nợ VAMC đã mua để cải tạo thành trụ sở làm việc hoặc cho thuê); tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Việc loại trừ yếu tố khách quan quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan phải được lượng hóa và tính toán bằng số liệu cụ thể;

b) Yếu tố khách quan làm giảm (hoặc tăng) năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt thì được cộng thêm (hoặc giảm trừ) phần năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt giảm (hoặc tăng) tương ứng vào chỉ tiêu năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt trong năm.

Mục 3

QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Xếp lương đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VAMC được xếp lương theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 6. Xếp lương, tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách của VAMC được xếp lương theo chức danh Kiểm soát viên theo hạng của VAMC được xếp tại Bảng hệ số mức lương của viên chức quản lý chuyên trách tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Nghị định số 51/2013/NĐ-CP).

Việc chuyển xếp lương, nâng bậc lương đối với Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát của VAMC được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 2 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH).

2. Tiền lương, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát xác định theo quy định tại Thông tư này được trích nộp cho Chủ sở hữu đối với VAMC (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) để hình thành quỹ chung và chi trả cho từng người theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 7 điều 7 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 7. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và trả lương, thù lao, tiền thưởng

1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; tạm ứng tiền lương, thù lao; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng; trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát VAMC được thực hiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Mục 3 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Khi xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, VAMC thực hiện theo một số quy định sau:

a) Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân và lợi nhuận làm căn cứ để xác định quỹ tiền lương, thù lao, mức tiền lương bình quân được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư này;

b) Mức tiền lương của Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách để xác định quỹ tiền lương căn cứ vào mức lương cơ bản đối với chức danh Kiểm soát viên quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ theo hạng của VAMC được xếp;

c) Việc loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, số tiền thu hồi các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Mục 4 **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổng giám đốc VAMC có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Xác định mức chi tiền ăn giữa ca để áp dụng đối với người lao động, Chủ tịch và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 6, Điều 17 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Khoản 5, Điều 18 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Hội đồng thành viên VAMC có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 13 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Điều 13 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Khi gửi các báo cáo tiền lương, tiền thưởng cho chủ sở hữu thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra và giám sát chung.

b) Xác định khoản tiền lương, tiền thưởng đối với Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Thông tư này và trích nộp cho chủ sở hữu để chi trả gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng người.

3. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thẩm định, kiến nghị các nội dung về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng như chức danh Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Điều 14 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của VAMC do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.


4. Chủ sở hữu đối với VAMC có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 15 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Điều 15 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Tổ chức quản lý, đánh giá, trả lương, thù lao, tiền thưởng và thực hiện các chế độ đối với Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát của VAMC như đối với chức danh Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2015. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND TP Hà Nội;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Hà Nội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đăng Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Vụ LĐTL, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Huân